

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày 06-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền

Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số AA đường TQK, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, sinh năm 1967

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 56 đường TP, phường 77, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; theo quyết định ủy quyền số 315 ngày 10/3/2021 (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp QC, xã ATA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A (sau đây gọi là ngân hàng) là anh Trần Trung N trình bày:

Ngân hàng A và chị Nguyễn Thị Ngọc T có ký kết hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD920171106 ngày 14/7/2017 chị T vay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau ngày 14/10/2017 áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức như sau: Lãi suất cho

vay = Lãi suất tiết kiệm cuối kỳ 13 tháng + Margin (Margin hiện tại là 4,75%/năm), thời gian vay 60 tháng; hình thức trả nợ: Gốc và lãi được trả cố định vào ngày 15 hàng tháng; mục đích vay tiêu dùng, phương thức thanh toán là trả gốc lãi vào ngày 15 hàng tháng, ngày giải ngân 14/7/2017, vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình quan hệ tín dụng với ngân hàng A, chị T đã thanh toán cho ngân hàng được tổng cộng số tiền 110.449.045 đồng, trong đó tiền gốc 75.950.000 đồng và tiền lãi 34.499.045 đồng.

Từ ngày 15/07/2020 chị T đã không thực hiện trả nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 30/12/2020 chị T còn nợ ngân hàng số tiền gốc 54.050.000 đồng và nợ lãi là 4.051.386 đồng (tính từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020), tổng cộng 58.101.386 đồng.

Ngày 06/08/2019, Ngân hàng A – Chi Nhánh Bạc Liêu cùng với chị Nguyễn Thị Ngọc T đã ký kết hợp đồng tín dụng số: HDTD9202019670, chị T vay số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm vật dụng gia đình), lãi suất vay 13%/năm trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 04 (sau ngày 06/11/2019) áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức như sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cuối kỳ 13 tháng + Margin (Margin hiện tại là 6,95%/năm), thời gian vay 11 tháng; hình thức trả nợ: Nợ gốc được trả cố định vào cuối kỳ và lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng, vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng A, chị T đã thanh toán cho ngân hàng được tổng cộng số tiền 3.202.259 đồng, trong đó tiền gốc 8 đồng và lãi là: 3.202.251 đồng.

Kể từ ngày 06/07/2020 chị T đã không thực hiện trả nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký. Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 30/12/2020 chị T còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc 24.999.992 đồng và nợ lãi 3.202.251 đồng, tổng cộng 27.798.549 đồng.

Do chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hai hợp đồng tín dụng đã ký nên ngân hàng yêu cầu chị T trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD92020171106 ngày 14/7/2017, số tiền 58.101.386 đồng, trong đó nợ gốc 54.050.000 đồng, nợ lãi 4.051.386 đồng (tính từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020) và yêu cầu chị T trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên; yêu cầu chị T trả nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD9202019670, ngày 06/8/2019, số tiền 27.798.549 đồng, trong đó nợ gốc 24.999.992 đồng, nợ lãi 3.202.251 đồng (tính từ ngày 06/07/2020 đến ngày 30/12/2020) và yêu cầu chị T trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên. Hiện nay chị T đi khỏi địa phương, ngân hàng không cung cấp được địa chỉ mới của chị T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập chị T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị T vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho ngân hàng số tiền 58.101.386 đồng, trong đó nợ gốc 54.050.000 đồng, nợ lãi 4.051.386 đồng (từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020); trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số HDTD92020171106, ngày 14/7/2017 và trả cho ngân hàng số tiền 27.798.549 đồng, trong đó nợ gốc 24.999.992 đồng, nợ lãi 3.202.251 đồng (từ ngày 06/07/2020 đến ngày 30/12/2020) và trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số HDTD9202019670, ngày 06/8/2019. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng A yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T trả tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn Ngân hàng A tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị T cư trú tại: Ấp QC, xã ATA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[1.3]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Trung N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu chị T trả số tiền 58.101.386 đồng, trong đó nợ gốc 54.050.000 đồng, nợ lãi 4.051.386 đồng (từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020) và số tiền 27.798.549 đồng, trong đó nợ gốc 24.999.992 đồng, nợ lãi 3.202.251 đồng (từ ngày 06/07/2020 đến ngày 30/12/2020); tổng cộng 85.899.935 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD92020171106 ngày 14/7/2017, thể hiện: Chị T vay ngân hàng số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng, vay không có tài sản bảo đảm; hình thức trả nợ tiền gốc và lãi được trả cố định vào ngày 15 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã thanh toán được cho ngân hàng số tiền 110.449.045 đồng, trong đó tiền gốc 75.950.000 đồng và tiền lãi 34.499.045 đồng. Từ ngày 15/07/2020 chị T đã không thực hiện trả nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 30/12/2020 chị T còn nợ ngân hàng số tiền gốc 54.050.000 đồng và nợ lãi là 4.051.386 đồng (từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020), tổng cộng 58.101.386 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD9202019670, ngày 06/8/2019, thể hiện: Chị T vay ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, vay không có tài sản bảo đảm, hình thức trả nợ gốc được trả cố định vào cuối kỳ và lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng. Sau khi vay tiền chị T trả được số tiền 3.202.259 đồng, trong đó tiền gốc 8 đồng và tiền lãi 3.202.251 đồng. Kể từ ngày 06/07/2020 chị Trần đã không thực hiện trả nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký. Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 30/12/2020 chị Trần còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc 24.999.992 đồng và nợ lãi 3.202.251 đồng, tổng cộng 27.798.549 đồng.

Như vậy, do chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc yêu cầu chị T trả số tiền 58.101.386 đồng, trong đó tiền gốc 54.050.000 đồng, tiền lãi 4.051.386 đồng (từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/12/2020), trả lãi phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD92020171106 ngày 14/7/2017 và trả số tiền 27.798.549 đồng, trong đó tiền gốc 24.999.992 đồng, tiền lãi 3.202.251 đồng (từ ngày 06/07/2020 đến ngày 30/12/2020), trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD9202019670, ngày 06/8/2019.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều

238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho Ngân hàng A số tiền 58.101.386 đồng, trong đó tiền gốc 54.050.000 đồng, tiền lãi 4.051.386 đồng và trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD92020171106 ngày 14/7/2017.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho Ngân hàng A số tiền 27.798.549 đồng, trong đó tiền gốc 24.999.992 đồng, tiền lãi 3.202.251 đồng và trả lãi suất phát sinh từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD9202019670, ngày 06/8/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu số tiền 4.294.996 (bốn triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng A không phải chịu án phí. Ngân hàng A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.147.000 (hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011551 ngày 08/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 2.147.000 (hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng A và chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

